

Những vấn đề pháp lý về xác định thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường ở Việt Nam hiện nay : Luận văn ThS. Luật : 60 38 30 Bùi Đức Hiền ; Nghd. : TS. Nguyễn Am Hiếu

1. Tính cấp thiết của đề tài

Những khuyết tật, những mặt trái của kinh tế thị trường bộc lộ ngày càng rõ, nét sự chênh lệch giàu nghèo, thất nghiệp, lối sống chạy theo đồng tiền, đặc biệt là ÔNMT, gây thiệt hại lớn đối với môi trường cũng như sức khỏe, tính mạng, lợi ích hợp pháp khác của cá nhân, pháp nhân, hộ gia đình,... Điều đó đặt ra trách nhiệm của các cơ sở gây ô nhiễm phải bồi thường những thiệt hại do hành vi làm ÔNMT mà mình gây ra trên cơ sở tuân thủ pháp luật. ở nước ta hiện nay các quy định pháp luật về trách nhiệm BTTH, đặc biệt là pháp luật về XĐTH do hành vi làm ÔNMT còn thiếu và yếu. Để đảm bảo quá trình xác định và BTTH được diễn ra hiệu quả, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về vấn đề này là cần thiết. Nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện pháp luật về XĐTH do ÔNMT hiện nay càng trở nên cấp thiết bởi các lý do sau:

Một là, ở nước ta mặc dù các quy định về bảo vệ môi trường nói chung đã được ghi nhận từ nhiều năm, nhưng các quy định pháp luật về BTTH, XĐTH do ÔNMT mới bước đầu được ghi nhận trong Luật BVMT năm 1993, BLDS năm 1995, BLDS 2005 và cụ thể nhất là Luật BVMT 2005. Các quy định này đã mang lại hiệu quả nhất định trong thực tiễn XĐTH và BTTH. Tuy nhiên, quy định còn mang tính chất luật khung, khái quát, quy định pháp luật về XĐTH chưa rõ ràng, cụ thể. Do vậy gây khó khăn cho quá trình XĐTH và giải quyết việc BTTH.

Hai là, thực tiễn thực hiện việc BTTH do hành vi làm ÔNMT đa phần lại bị mắc bởi khâu XĐTH.

Ba là, dưới góc độ ý thức pháp luật thì đa phần người dân cũng chưa biết nhiều về các quy định pháp luật cũng như thực tiễn về XĐTH do ÔNMT nên rất lúng túng không biết bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình khi bị xâm phạm về quyền lợi.

Bốn là, trong khoa học pháp lý nói chung chưa có một công trình khoa học nào nghiên cứu một cách toàn diện cơ sở lý luận, thực tiễn sự điều chỉnh pháp luật về việc XĐTH do ÔNMT và đưa ra quan điểm, kiến nghị hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.

Từ những lý do nói trên đặt ra nhu cầu cần phải nghiên cứu xây dựng pháp luật về XĐTH chặt chẽ, có hiệu quả làm cơ sở cho việc xác định các trách nhiệm pháp lý cũng như mức độ BTTH do hành vi làm ÔNMT. Do vậy, tác giả chọn đề tài: **“Những vấn đề pháp lý của việc XĐTH do hành vi làm ÔNMT ở nước ta”**.

2. Tình hình nghiên cứu

Do nhận thức được tầm quan trọng của việc xây dựng, hoàn thiện pháp luật về XDTH do hành vi làm ÔNMT, đã có một số nhà kinh tế học, nhà luật học nghiên cứu về vấn đề này. Các tác giả nghiên cứu về XDTH do hành vi làm ÔNMT dưới nhiều góc độ khác nhau, thể hiện dưới các hình thức khác nhau, chủ yếu là các bài đăng trên báo, tạp chí và sách chuyên khảo. Các tác giả đã đề cập tương đối khái quát về các vấn đề liên quan đến trách nhiệm BTTH ngoài hợp đồng và XDTH do hành vi làm ÔNMT. Tuy nhiên các nghiên cứu về XDTH do hành vi làm ô nhiễm môi trường còn ít, tản mạn và chưa mang tính hệ thống. Đây là công trình đầu tiên nghiên cứu có tính hệ thống về vấn đề này.

3. Mục đích và nhiệm nghiên cứu

. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của việc nghiên cứu đề tài là làm sáng tỏ về mặt lý luận và thực tiễn pháp lý của việc XDTH do hành vi làm ÔNMT gây ra.

. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên, đề tài cần giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu sau :

- Nghiên cứu các khái niệm, đặc điểm, phân loại về thiệt hại, XDTH do hành vi làm ÔNMT; các quy định pháp luật hiện hành và thực tiễn xác định thiệt do hành vi làm ÔNMT qua các vụ việc cụ thể; chỉ ra những thiếu sót, bất cập, tồn tại trong các quy định pháp luật hiện hành. Từ đó luận văn đưa ra kiến nghị nhằm xây dựng và hoàn thiện pháp luật về XDTH do hành vi làm ÔNMT.

4. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu khía cạnh pháp lý của việc XDTH do hành vi làm ÔNMT. Dưới góc độ pháp luật dân sự đề tài không tập trung nghiên cứu tất cả các vấn đề của trách nhiệm BTTH mà chỉ tập trung nghiên cứu về XDTH do hành vi làm ÔNMT trong pháp luật dân sự và pháp luật bảo vệ môi trường.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận của luận văn là dựa quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về bảo vệ môi trường để phát triển bền vững, bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành. Những thành tựu của các chuyên ngành khoa học pháp lý như: lịch sử nhà nước và pháp luật, lý luận về Nhà nước và Pháp luật, Xã hội học pháp luật, Luật Dân sự, Luật Tố tụng Dân sự, Luật Môi trường và Triết học; những luận điểm khoa học trong các công trình nghiên cứu, sách chuyên khảo và các bài viết đăng trên các Tạp chí chuyên ngành về BTTH và XDTH do hành vi làm ÔNMT được người viết luận văn này sử dụng nghiên cứu các vấn đề của đề tài.

Tác giả luận văn có sử dụng các phương pháp để giải quyết các vấn đề của đề tài. Đó là các phương pháp nghiên cứu như: phân tích – tổng hợp, phương pháp so sánh,

phương pháp quy nạp, diễn dịch,...Đồng thời luận văn còn dựa vào những số liệu thống kê, tổng kết hàng năm trong các báo cáo của Bộ Tài nguyên Môi trường, Tổng Cục Môi trường và các địa phương cũng như những thông tin trên mạng Internet để phân tích, tổng hợp các tri thức khoa học luật dân sự, môi trường và luận chứng các vấn đề tương ứng được nghiên cứu trong luận văn.

6. Những đóng góp mới và ý nghĩa của luận văn.

Đây có thể được coi là công trình nghiên cứu khá mới từ góc độ khoa học luật dân sự về vấn đề XĐTH do hành vi làm ÔNMT được BLDS và Luật BVMT năm 2005 quy định. Điểm mới của luận văn còn được thể hiện ở chỗ tác giả không chỉ dừng lại phân tích các quy định pháp luật hiện hành mà nghiên cứu các cơ sở lý luận, thực tiễn của XĐTH, chỉ ra những thiếu sót, tồn tại trong các quy định pháp luật. Bên cạnh đó, tác giả có phân tích, đánh giá việc áp dụng pháp luật về vấn đề này trong thời gian qua, đồng thời đưa ra nhu cầu, quan điểm và đề xuất một số biện pháp hoàn thiện pháp luật để giải quyết những vướng mắc trong thực tiễn áp dụng.

Kết quả nghiên cứu của Luận văn có giá trị tham khảo tốt cho các cơ quan lập pháp, lập quy trong quá trình nghiên cứu hoàn thiện pháp luật về XĐTH do hành vi làm ÔNMT; có giá trị tham khảo cho việc nghiên cứu, giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng chuyên ngành luật. Luận văn mang đến cho người đọc có thêm những hiểu biết về XĐTH do hành vi làm ÔNMT.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, Luận văn có ba chương: Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, Luận văn có ba chương:

Chương 1. Những vấn đề chung về XĐTH do hành vi làm ÔNMT và điều chỉnh pháp luật về XĐTH do hành vi làm ÔNMT; Chương 2. Pháp luật hiện hành về XĐTH do hành vi làm ÔNMT và thực trạng XĐTH qua một số vụ việc cụ thể; Chương 3. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về XĐTH do hành vi làm ÔNMT gây ra.

CHƯƠNG 1.

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ XÁC ĐỊNH THIẾT HẠI DO HÀNH VI LÀM Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG VÀ ĐIỀU CHỈNH PHÁP LUẬT VỀ XÁC ĐỊNH THIẾT HẠI DO HÀNH VI LÀM Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

1.1. Thiết hại do hành vi làm ÔNMT: khái niệm, đặc điểm, phân loại

1.1.1. Khái niệm thiết hại do hành vi làm ÔNMT

Thiết hại do ÔNMT, bao gồm: thiết hại về suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường và những thiết hại về sức khỏe, tính mạng của con người, tài sản và lợi ích hợp

pháp của tổ chức, cá nhân do hậu quả của việc suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gây ra. (khoản 1, 2 Điều 130 Luật BVMT năm 2005).

- Về suy giảm chức năng, tính hữu ích do hành vi làm ÔNMT.

- Tính hữu ích của môi trường tự nhiên được thể hiện:

Một là, môi trường là cơ sở và điều kiện để con người cũng như sinh vật sinh tồn, không có môi trường thì con người không thể tồn tại.

Hai là, môi trường tạo điều kiện cho con người phát triển, cung cấp cho con người nguyên, nhiên liệu (tài nguyên) để con người sử dụng vào các hoạt động sống của mình.

Ba là, môi trường là nơi chứa đựng và tiêu hủy chất thải do con người thải ra trong các hoạt động của mình. Chúng ta thấy bản thân môi trường tự nhiên của trái đất tạo ra sự ổn định cho cuộc sống của con người. Bản thân sự tồn tại tính hữu ích của môi trường mang tính khách quan và không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của con người.

Môi trường tự nhiên có chức năng đặc biệt quan trọng là tạo ra sự cân bằng về sinh thái, duy trì sự sống và hoạt động bình thường cho con người và các sinh vật trên trái đất.

Qua đó sự suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường xảy ra khi: chất lượng của các yếu tố môi trường sau khi bị tác động thấp hơn so với tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng môi trường; lượng tài nguyên thiên nhiên bị khai thác, sử dụng lớn hơn lượng được khôi phục (đối với tài nguyên tái tạo) và/hoặc lớn hơn lượng thay thế (đối với tài nguyên không tái tạo được) hay lượng chất thải thải vào môi trường lớn hơn khả năng tự phân hủy, tự làm sạch của chúng.

- Thiệt hại về tài sản, sức khỏe, tính mạng và các lợi ích chính đáng khác do hành vi làm ÔNMT

Theo pháp luật dân sự thì tài sản được tiếp cận dưới góc độ liệt kê bao gồm: *vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản* (Điều 163, BLDS năm 2005). Còn lợi ích hợp pháp khác là những lợi ích gắn liền với quá trình chiếm hữu, sử dụng tài sản của các chủ thể và những lợi ích hợp pháp mà các chủ thể có được gắn liền với sự đảm bảo chức năng, tính hữu ích của môi trường.

Còn thuật ngữ *tính mạng* được hiểu là mạng sống của con người. Như vậy, theo nghĩa rộng thì tính mạng được hiểu bao gồm cả thuộc tính sinh học và tính xã hội. Trong pháp luật dân sự, tính mạng là mạng sống của con người, được coi như là một quyền nhân thân quan trọng nhất.

1.1.2. Đặc điểm của thiệt hại do hành vi làm ÔNMT

Thứ nhất, thiệt hại xảy ra do hành vi làm ÔNMT không chỉ là những thiệt hại xảy ra trên thực tế mà còn có những thiệt hại là những nguy cơ tiềm ẩn lâu dài.

Thứ hai, bên cạnh những thiệt hại trực tiếp xảy ra làm suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường, nhiều thiệt hại mang tính gián tiếp khác rất khó xác định hoặc không/chưa có cơ sở để xác định. Ví dụ thiệt hại về tinh thần...;

Thứ ba, đối tượng bị thiệt hại do ÔNMT rất đa dạng: ngoài những thiệt hại về sức khỏe, tính mạng, tài sản của tổ chức, cá nhân sản, còn có thiệt hại về sự suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường (đất đai, rừng núi, sông, hồ, biển,...)

Thứ tư, thiệt hại do ÔNMT gây ra thường lớn, trên phạm vi rộng gây khó khăn cho việc ngăn chặn và XĐTH cũng như đánh giá chính xác thiệt hại.

Thứ năm, thiệt hại xảy ra với tài sản, tính mạng của con người hay một hệ sinh thái là do thành phần môi trường bị thay đổi.

Thứ sáu, chủ thể gây ra thiệt hại có thể là con người hoặc tự nhiên.

Từ những đặc điểm của thiệt hại do ÔNMT, chúng ta thấy việc xây dựng cũng như thực tiễn XĐTH cần có những đặc thù nhất định. Ví dụ, nếu XĐTH với việc bình thường thì chỉ cần XĐTH bao nhiêu và bồi thường, nhưng đối với thiệt hại do ÔNMT ngoài việc xác định mức độ thiệt hại thực tế thì còn phải xác định cả chi phí hợp lý để phục hồi hiện trạng môi trường...

1.1.3. Phân loại thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường

Căn cứ vào sự tác động của ô nhiễm, suy thoái môi trường đối với những đối tượng bị thiệt hại, có thể chia thiệt hại thành:

- Thiệt hại do sự tác động trực tiếp của ÔNMT như: chức năng, tính hữu ích của môi trường, hệ sinh thái bị suy giảm,...

- Thiệt hại do tác động gián tiếp của ô nhiễm suy thoái môi trường, ví dụ: ÔNMT nước, con người uống vào bị bệnh tật, bị suy giảm sức khỏe, bị chết...

Căn cứ vào các loại thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường, bao gồm:

- Thiệt hại về các thành phần môi trường đất, nước... ; sự suy giảm về hệ sinh thái, như diện tích rừng, các loài động, thực vật bị suy giảm, bị chết;

- Thiệt hại đối với tài sản, sức khỏe, tính mạng, tinh thần cũng như lợi ích chính đáng của con người;

Căn cứ vào chủ thể gây ra thiệt hại do ÔNMT

- Thiệt hại do hành vi của con người gây ra (cá nhân, hộ gia đình, các cơ sở sản xuất, kinh doanh)...

- Thiệt hại do tự nhiên gây ra;

Trong luận văn này để đưa ra các cách thức XĐTH do hành vi làm ÔNMT có hiệu quả, tác giả sẽ nghiên cứu XĐTH do hành vi làm ÔNMT dưới góc độ phân loại theo sự tác động của ô nhiễm, suy thoái môi trường đối với những đối tượng bị thiệt hại.

1.2. Xác định thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường: khái niệm, đặc điểm, phân loại

1.2.1. Khái niệm xác định thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường

Theo tác giả, XĐTH do hành vi làm ÔNMT là hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc sử dụng các công cụ, phương tiện... theo trình tự, thủ tục

nhất định nhằm xác định khu vực bị thiệt hại, đối tượng bị thiệt hại và chỉ ra thiệt hại đó là bao nhiêu (*hay nói cách khác nhằm lượng giá ít nhất là tương đối chính xác, hợp lý những thiệt hại xảy ra dựa trên cơ sở khoa học và thực tiễn*) để tạo cơ sở cho việc xác định trách nhiệm BTTH cũng như trách nhiệm pháp lý khác, góp phần vào việc bảo vệ môi trường.

Còn những vấn đề pháp lý về XĐTH do hành vi làm ô nhiễm, suy thoái môi trường là tổng hợp các quy phạm, chế định pháp luật quy định liên quan đến thẩm quyền, trình tự, thủ tục XĐTH; các thành phần môi trường được XĐTH; phạm vi, giới hạn khu vực bị thiệt hại; chủ thể gây ra thiệt hại do hành vi làm ÔNMT, và các quy định về căn cứ xác định mức độ thiệt hại và cách thức tính toán thiệt hại do hành vi làm ÔNMT nhằm tạo ra hành lang pháp lý để lượng giá chính xác mức độ thiệt hại do ÔNMT gây ra. Từ đó tạo cơ sở cho việc xác định trách nhiệm pháp lý và xác định mức độ BTTH bảo đảm cho việc thực hiện trách nhiệm BTTH do hành vi làm ÔNMT có hiệu quả.

1.2.2. Đặc điểm của XĐTH do hành vi làm ÔNMT

- XĐTH do hành vi làm ÔNMT là hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc sử dụng các công cụ, phương tiện... theo trình tự, thủ tục nhất định nhằm xác định khu vực bị thiệt hại, đối tượng bị thiệt hại và nhằm lượng giá chính xác thiệt hại xảy ra là bao nhiêu

- XĐTH do hành vi làm ÔNMT là một bộ phận cấu thành quan trọng của trách nhiệm BTTH ngoài hợp đồng;

- XĐTH do hành vi làm ÔNMT chỉ đặt ra khi có thiệt hại xảy ra và thiệt hại đó do hành vi làm ÔNMT gây ra.

- XĐTH do hành vi làm ÔNMT không chỉ là XĐTH về sức khỏe, tính mạng, tài sản và các lợi ích hợp pháp khác. Đặc thù hơn, XĐTH do hành vi làm ô nhiễm còn tập trung vào XĐTH về suy giảm chức năng, tính hữu ích do hành vi làm ÔNMT gây ra.

- Do đặc thù của thiệt hại do hành vi làm ÔNMT nên XĐTH về vấn đề này không chỉ đặt ra xác định những thiệt hại xảy ra là bao nhiêu mà còn bao hàm cả chi phí để

- Xác định thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường cần sử dụng những phương pháp khoa học cũng như các công cụ tiên tiến để XĐTH được chính xác, hiệu quả. xử lý ô nhiễm, phục hồi suy thoái môi trường. Bởi thiệt hại do hành vi làm ÔNMT thường xảy ra trên phạm vi và mức độ rất lớn.

1.2.3. Phân loại XĐTH do hành vi làm ÔNMT

Căn cứ vào đối tượng có thiệt hại có thể phân thành

- XĐTH đối với suy giảm chức năng, tính hữu ích do hành vi làm ÔNMT;
- XĐTH đối với sức khỏe tính mạng và các lợi ích hợp pháp khác do hành vi làm ÔNMT;

Căn cứ vào chủ thể XĐTH có thể chia thành

- XĐTH do các cá nhân, tổ chức bị thiệt hại và cá nhân, tổ chức gây ra thiệt hại tiến hành;

- XĐTH do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành như: các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường tiến hành hoặc Tòa án, trọng tài.

Căn cứ luật điều chỉnh về XĐTH do hành vi làm ÔNMT có thể phân loại

- XĐTH do hành vi làm ÔNMT được quy định trong pháp luật dân sự, như: thiệt hại về tài sản, sức khỏe, tính mạng và các lợi ích hợp pháp khác ;

- XĐTH do hành vi làm ÔNMT được quy định trong pháp luật môi trường, như thiệt hại về suy giảm chức năng, tính hữu ích.

Qua một số phân loại trên, chúng ta thấy phân loại XĐTH do hành vi làm ô nhiễm môi trường đóng vai trò quan trọng trong quá trình nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện pháp luật về XĐTH cũng như thực tiễn xác định vấn đề này.

Dưới góc độ pháp luật dân sự thì thiệt hại và XĐTH do hành vi làm ÔNMT là một trong những yếu tố nằm trong cấu thành trách nhiệm BTTH ngoài hợp đồng.

1.2.4. Vai trò của XĐTH do hành vi làm ÔNMT

- Là cơ sở để xác định mức độ BTTH của bên gây ra thiệt hại cho bên bị thiệt hại và mức độ được bồi thường của bên bị thiệt hại, đảm bảo trách nhiệm BTTH được thực thi có hiệu lực, hiệu quả trên thực tiễn.

- XĐTH đúng sẽ góp phần đảm bảo quyền lợi cho người bị thiệt hại và người gây ra thiệt hại. Khi xác định rõ ràng khu vực bị thiệt hại, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi gây ô nhiễm và thiệt hại xảy ra thì về cơ bản lợi ích của người bị thiệt hại sẽ được đảm bảo, mặt khác người gây ra thiệt hại cũng nhận thức được việc bồi thường của mình với mức độ như vậy là hợp lý. Tránh kéo ra thời gian quá dài dẫn đến không có lợi cho bên nào.

- Là cơ sở để xác định các trách nhiệm pháp lý. Khi xác định được đối tượng bị thiệt hại, mức độ thiệt hại sẽ tạo cơ sở pháp lý cho cơ quan nhà nước, các chủ thể có thẩm quyền áp dụng trách nhiệm dân sự, hành chính hay hình sự...hoặc không áp dụng trách nhiệm đối với người có hành vi gây ra thiệt hại.

- ở một góc độ nhất định XĐTH do hành vi làm ÔNMT còn góp phần răn đe và nâng cao ý thức cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh cũng như các hộ gia đình, cá nhân trong việc bảo vệ môi trường.

- Góp phần hiện thực hóa nguyên tắc người gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường phải trả tiền (PPP).

1.3. Điều chỉnh pháp luật về XĐTH do hành vi làm ÔNMT

. ý nghĩa của điều chỉnh pháp luật về XĐTH do hành vi làm ÔNMT:

Một là, góp phần vào quá trình XĐTH do hành vi làm ÔNMT khách quan, chính xác, có hiệu quả, bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ của bên gây ra thiệt hại cũng như bên bị thiệt hại. Nâng cao uy tín của Nhà nước với nhân dân;

Hai là, tạo ra cơ sở pháp lý chặt chẽ để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình trong việc XDTH do hành vi làm ÔNMT nhằm bảo đảm thực hiện có hiệu quả trách nhiệm BTTH. Hơn nữa, các quy định này cũng tạo cơ sở pháp lý cho Tòa án, Trọng tài thực thi công lý bảo vệ quyền lợi của các bên trong quan hệ xác định và BTTH do ÔNMT...

Ba là, góp phần lập lại trật tự trong việc bảo vệ môi trường; giải quyết nhanh chóng những khiếu kiện kéo dài liên quan đến các tranh chấp về BTTH do hành vi làm ÔNMT ; phòng chống ô nhiễm, suy thoái môi trường...

Vậy pháp luật sẽ điều chỉnh những vấn đề gì xung quanh việc XDTH do hành vi làm ÔNMT ? Để giải mã được các quy định này, theo tôi phải nghiên cứu xác định rõ được các vấn đề pháp lý liên quan sau:

Thứ nhất, chúng ta cần nghiên cứu làm rõ các vấn đề lý luận, pháp lý và thực tiễn về XDTH do ÔNMT. Khái niệm, đặc thù của thiệt hại, XDTH do ÔNMT; phân loại thiệt hại, vai trò, nguyên tắc XDTH, và mô hình XDTH do hành vi làm ÔNMT như (quan niệm về các loại thiệt hại phương thức XDTH, chủ thể có thẩm quyền XDTH) của một số nước và các văn kiện pháp lý quốc tế. Để tạo cơ sở lý luận, thực tiễn của việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về XDTH do hành vi làm ÔNMT trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về vấn đề này;

Thứ hai, phân tích làm rõ các vấn đề pháp lý xoay quanh việc XDTH, như: quy định hiện hành về thành phần môi trường được XDTH; quy định về thu thập số liệu, chứng cứ; về căn cứ xác định mức độ thiệt hại đối với môi trường; căn cứ tính toán mức độ thiệt hại; xác định đối tượng gây ô nhiễm, suy thoái dẫn đến suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường; đến tài sản, sức khỏe và tính mạng con người; xác định trách nhiệm bồi thường thiệt do hành vi làm ÔNMT. Trong quá trình này, phải chỉ ra căn cứ để xác định mức độ thiệt hại như: xác định phạm vi, giới hạn môi trường bị suy giảm chức năng và tính hữu ích đồng thời cần xác định rõ mức độ thiệt do ô nhiễm, suy thoái môi trường thông qua việc lượng giá các đối tượng bị thiệt hại.

Thứ ba, pháp luật điều chỉnh về thẩm quyền, trình tự, thủ tục XDTH, những tồn tại, hạn chế và kiến nghị hoàn thiện.

Thứ tư, pháp luật về thiết chế thi hành và thực tiễn pháp lý qua việc thực hiện các vấn đề này ở Việt Nam. Bên cạnh đó có thể nghiên cứu làm rõ các Điều lệ hay các thỏa thuận của các cơ quan, tổ chức xã hội dân sự liên quan đến XDTH do hành vi làm ÔNMT.

Từ đó chỉ ra những tồn tại, hạn chế và kiến nghị xây dựng, hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.

1.4. Các nguyên tắc xác định thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường gây ra

Để đảm bảo cho quá trình xác định thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường có hiệu quả thì quá trình này phải dựa trên những nguyên tắc nhất định bao gồm cả những nguyên tắc chỉ đạo chung và các nguyên tắc cụ thể.

Về các nguyên tắc chung của xác định thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường, có thể chỉ ra:

1.4.1. Nguyên tắc người làm ô nhiễm gây thiệt hại phải bồi thường

1.4.2. Nguyên tắc thỏa thuận giữa các bên trong việc xác định thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường

1.4.3. Nguyên tắc thiệt hại được xác định kịp thời và bằng với thiệt hại xảy ra trên thực tế

1.4.4. Nguyên tắc tôn trọng sự thật khách quan trong việc xác định thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường

1.4.5. Nguyên tắc sử dụng các phương pháp khoa học, công nghệ tiên tiến, có độ chính xác cao trong quá trình xác định thiệt hại

Trong quá trình xác định các thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường bên cạnh những nguyên tắc chung cũng có những nguyên tắc cụ thể với từng khâu như:

Các nguyên tắc xác định đối tượng làm ÔNMT gây ra thiệt hại

Xác định có ô nhiễm, suy thoái ở một khu vực địa lý tự nhiên do các nguồn thải phát sinh chất thải rắn, chất thải lỏng, chất thải khí tại khu vực đó hoặc không tại khu vực đó gây ra nhưng tác động xấu đến khu vực đó. Đây là nguyên tắc giúp bới lông tìm vết, từ việc xác định khu vực bị ô nhiễm, suy thoái môi trường để truy lùng nguồn thải gây ra sự ô nhiễm và thiệt hại đó. Tuy nhiên, việc xác định đối tượng làm ÔNMT gây ra thiệt hại phải dựa trên những nguyên tắc nhất định, như:

- Xác định đối tượng gây ÔNMT trên cơ sở khoa học.

- Việc xác định đối tượng gây ô nhiễm, suy thoái môi trường phải đảm bảo kịp thời, chính xác và công bằng.

Tính toán thiệt hại đối với môi trường cần dựa trên các nguyên tắc sau

- Việc tính toán thiệt hại với môi trường cần căn cứ vào chi phí để xử lý các chất gây ô nhiễm đáp ứng được các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường, chi phí để phục hồi hệ sinh thái tự nhiên và loài hoang dã về bằng hoặc tương đương với trạng thái ban đầu.

- Việc tính toán thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với môi trường dựa trên các dữ liệu, chứng cứ thu thập được trên thực tế hoặc/và được xác định, ước tính.

- Thiệt hại đối với môi trường của một khu vực địa lý bằng tổng thiệt hại đối với từng thành phần môi trường của khu vực địa lý đó.

1.5. Sự hình thành và phát triển của pháp luật về xác định thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường

1.5.1. Từ năm 1993 trở về trước

Trước năm 1993 chưa có quy định pháp luật nào về XĐTH do hành vi làm ÔNMT, thậm chí là chưa có một văn bản pháp luật chuyên ngành nào quy định về bảo vệ môi trường, có chăng là một số văn bản mang tính gián tiếp về bảo vệ môi trường. Đáng chú ý là Nhà nước ta đã ban hành Pháp lệnh về Bảo vệ rừng ban hành ngày 11/9/1972 và coi bảo vệ môi trường trong thời kỳ này là một đòi hỏi định (Điều 36, Hiến pháp năm 1980)

1.5.2. Từ 1993 đến nay

Từ khi Luật Bảo vệ Môi trường năm 1993 ra đời đến nay pháp luật về bảo vệ môi trường nói chung; pháp luật về xác định thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường nói riêng được quy định trong Luật Bảo vệ Môi trường năm 1993, Bộ luật Dân sự năm 1995 đến Bộ luật Dân sự năm 2005 và Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 ngày càng được củng cố và hoàn thiện.

CHƯƠNG 2.

PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ XÁC ĐỊNH THIẾT HẠI DO HÀNH VI LÀM Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG VÀ THỰC TRẠNG XÁC ĐỊNH THIẾT HẠI QUA MỘT SỐ VỤ VIỆC

2.1. Các loại thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường

Trên thế giới có nhiều quan niệm khác nhau về thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường. Nhìn chung có hai quan điểm cơ bản:

Thứ nhất, thiệt hại do ÔNMT chỉ có thiệt hại đối với môi trường tự nhiên, như: hệ động vật, thực vật, đất, nước, không khí... ở trong các văn kiện pháp lý quốc tế, Cộng đồng châu Âu hay một số quốc gia, như: Kazakhstan, Kyrgystan, Phần Lan, Canada, Hàn Quốc...;

Thứ hai, nhóm quan điểm khác lại cho rằng thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường không chỉ bao gồm các thiệt hại gây ra với chất lượng môi trường như thiệt hại đối với hệ động vật, thực vật, đất, nước, không khí... mà còn cả thiệt hại về sức khỏe, tài sản của cá nhân do ÔNMT.

ở Việt Nam theo quy định tại Điều 130 Luật BVMT 2005 thiệt hại do ÔNMT bao gồm: suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường và thiệt hại về sức khỏe, tính mạng của con người, tài sản, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do hậu quả của việc suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường.”

2.2. Mối quan hệ giữa hành vi làm ô nhiễm môi trường và thiệt hại xảy ra

Việc xác định mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra trên thực tế với hành vi làm ÔNMT là một trong các điều kiện quyết định cho việc xác định trách nhiệm BTTH gồm có (hành vi làm ÔNMT, có thiệt hại xảy ra và có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi làm ÔNMT và thiệt hại đó). Xác định mối quan hệ nhân quả giữa hành vi làm ÔNMT và

thiệt hại xảy ra tức là với hành vi xả thải làm ÔNMT như vậy thì những thiệt hại xảy ra là tất yếu và ngược lại không có những hành vi làm ÔNMT trên thì sẽ không có thiệt hại đó xảy ra. Pháp luật Dân sự hiện hành về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đã có những quy định về xác định mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả với ý nghĩa là một thành tố cấu thành không thể thiếu của trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

2.3. Pháp luật về xác định thiệt hại đối với sự suy giảm chức năng và tính hữu ích do hành vi làm ÔNMT

2.3.1. Quy định về thành phần môi trường được xác định được thiệt hại

Trên thế giới thiệt hại về suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường lại không hề mới, thậm chí nó được coi là loại thiệt hại cơ bản và chính yếu do hành vi làm ÔNMT ở một số nước, như: Kazakhstan, Kyrgystan, Phần Lan, Canada, Hàn Quốc... Các thành phần môi trường được nhiều nước quy định để tính toán thiệt hại như: đất, nước, hệ sinh thái, động thực vật hoang dã quý hiếm.

ở nước ta, theo Luật BVMT 2005

Quy định trên cho thấy, pháp luật hiện hành không quy định rõ loại thành phần môi trường nào được XDTH. Tuy nhiên, thực tiễn lại đặt ra có những thành phần môi trường có thể lượng giá được thiệt hại, như: đất, nước nhưng cũng có những thành phần môi trường rất khó hoặc không thể lượng giá được thiệt hại. Ví dụ như không khí, ánh sáng, âm thanh. Vấn đề là cần nghiên cứu quy định cụ thể về các thành phần môi trường để có thể tiến hành xác định được thiệt hại khi có hành vi làm ô nhiễm môi trường gây ra.

2.3.2. Quy định về xác định mức độ suy giảm chức năng, tính hữu ích do hành vi làm ô nhiễm môi trường

Luật BVMT hiện hành khoản 1, Điều 131 chia ra 3 mức độ của sự suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường. Các quy định này của Luật đã bước đầu phản ánh được các tầng nấc các mức độ nghiêm trọng của thiệt hại do hành vi làm ÔNMT và trách nhiệm của người gây ô nhiễm. Theo Luật BVMT hiện hành thì việc xác định mức độ suy giảm của môi trường được tính theo mức độ ÔNMT. Nếu một thành phần môi trường bị ô nhiễm ở các mức: ô nhiễm nghiêm trọng và ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng thì cũng có nghĩa là thành phần môi trường đó đã bị suy giảm tương ứng về chức năng, tính hữu ích và cơ sở để xác định mức độ ô nhiễm là dựa trên tiêu chuẩn môi trường.

Ngoài ra chúng ta cũng có thể xác định mức độ suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường trên cơ sở xác định số lượng của thành phần môi trường bị khai thác, sử dụng quá mức so với trữ lượng tự nhiên của nó; dựa vào mức độ khan hiếm của thành phần môi trường trên thực tế hay mức độ ưu tiên của Nhà nước trong việc quản lý, bảo vệ và phát triển mỗi thành phần môi trường... Tuy nhiên, việc quy định sự suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường thành 3 cấp độ để xác định thiệt hại là tương đối nhiều và gây tốn

kém về chi phí xác định thiệt hại không cần thiết bởi đôi khi chi phí bỏ ra để xác định thiệt hại lại nhiều hơn mức thiệt hại xảy ra. Do vậy cần nghiên cứu về vấn đề này để đưa ra những quy định phù hợp.

2.3.3. Căn cứ để xác định mức độ thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường

Căn cứ để xác định mức độ thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường chính là việc xác định phạm vi, giới hạn, diện tích khu vực bị ô nhiễm. Để xác định được mức độ thiệt hại có hiệu quả sau khi khoanh vùng được khu vực bị ô nhiễm, cần xác định giới hạn, diện tích của khu vực vùng lõi bị suy giảm nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng; giới hạn, diện tích vùng đệm trực tiếp bị suy giảm và xác định giới hạn, diện tích các vùng khác bị ảnh hưởng từ vùng lõi và vùng đệm.

Một vấn đề về ngữ nghĩa cần được bản ở đây là khi nói về các khu vực ô nhiễm, Luật sử dụng thuật ngữ vùng lõi, vùng đệm. Tuy nhiên, việc sử dụng các thuật ngữ này để chỉ mức độ khác nhau của sự suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường rất có thể sẽ gây cho người đọc sự nhầm lẫn giữa nội dung pháp lý của những thuật ngữ này với thuật ngữ vùng lõi, vùng đệm trong các văn bản pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học.

2.3.4. Các căn cứ để tính toán thiệt hại do hành vi làm ÔNMT

Tác giả trình bày các căn cứ để xác định thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường ở một số nước trên thế giới, như: thiệt hại được tính trên cơ sở được ấn định bằng một khoản tiền hợp lý, có tính đến mức độ nghiêm trọng của sự thiếu cẩn trọng của con người, chi phí phục hồi và những lợi nhuận mà những người làm hại môi trường có được (phương pháp này được áp dụng tại nước ý); XĐTH theo phương thức quy ra một khoản tiền cố định; phương pháp Koch được áp dụng phổ biến tại Bỉ. Sau đó tác giả phân tích các quy định pháp luật môi trường về các căn cứ tính toán thiệt hại. Khoản 4 Điều 131 Luật BVMT năm 2005 có quy định về 4 căn cứ để tính toán thiệt hại do hành vi làm ÔNMT. Cụ thể:

1) Tính toán thiệt hại trước mắt và lâu dài do sự suy giảm chức năng và tính hữu ích của môi trường; 2) Tính toán chi phí xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường tức là tính các chi phí bỏ ra để xử lý lại môi trường đã bị ô nhiễm cho phù hợp với tiêu chuẩn môi trường, chi phí để dọn dẹp, cải tạo lại hệ thống sông, suối hoặc các khu vực đã bị ô nhiễm nhằm đảm bảo chức năng cũng như tính hữu ích tại khu vực đó; 3) Tính toán chi phí giảm thiểu hoặc triệt tiêu nguồn gây thiệt hại; 4) Thăm dò ý kiến đối tượng liên quan.

Cách thức tính thiệt hại thông qua tính toán chi phí xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường và tính toán chi phí giảm thiểu hoặc triệt tiêu nguồn gây thiệt hại. Đây là hai căn cứ rất quan trọng để XĐTH do ÔNMT và có khả năng ứng dụng cao trên thực tiễn. Do vậy cần được nghiên cứu quy định cụ thể hai căn cứ tính toán thiệt hại này.

2.3.5. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xác định thiệt hại về suy giảm chức năng, tính hữu ích do hành vi làm ô nhiễm môi trường

Tác giả trình bày một số về thẩm quyền xác định thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường ở một vài quốc gia trên thế giới như mô hình Tòa án ở Italya hay ở Newzealand; mô hình do các viên chức hành chính hoặc chính quyền địa phương xác định, thậm chí các tổ chức các quần chúng tham gia trong lĩnh vực bảo vệ môi trường cũng có thể tham gia XĐTH ở bang South Wales và Victoria của Australia.

Nghiên cứu các quy định pháp luật hiện hành về vấn đề này có thể nhận định thẩm quyền điều tra, XĐTH do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường của các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường đặt ra ngay khi hành vi làm ÔNMT gây ra suy thoái môi trường. Tuy nhiên, nếu hành vi làm ÔNMT vừa làm suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường vừa gây thiệt hại hoặc làm ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của người khác thì các bên bị thiệt hại hoặc bên gây ra thiệt hại có thể sử dụng kết quả điều tra, XĐTH của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để bảo vệ, chứng minh cho quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Bên cạnh đó các cá nhân này cũng có thể tự mình tiến hành XĐTH theo quy định của pháp luật.

Khi hành vi làm ÔNMT gây thiệt hại cho cá nhân, pháp nhân, hộ gia đình... thì Luật cũng quy định người bị thiệt hại hoặc người gây ra thiệt hại có thể độc lập hoặc cùng phối hợp tham gia XĐTH (khoản 5, Điều 131 Luật BVMT năm 2005).

Về thẩm quyền XĐTH có thể thấy:

Thứ nhất, thẩm quyền điều tra, XĐTH được giao cho cơ quan quản lý nhà nước về môi trường theo Điều 93 Luật BVMT năm 2005 là chủ yếu tập trung vào điều tra, xác định ô nhiễm; mức độ ô nhiễm; phạm vi, giới hạn khu vực môi trường bị suy giảm chức năng, tính hữu ích do ô nhiễm; mức độ ô nhiễm; nguyên nhân, trách nhiệm của các bên liên quan nhằm khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường. Kết quả điều tra này cũng được sử dụng cho việc yêu cầu đòi BTTH. Nhưng thực tế chỉ thấy cá nhân, tổ chức bị thiệt hại sử dụng kết quả này để chứng minh cho việc đòi BTTH cụ thể của mình mà không thấy cơ quan nhà nước nào sử dụng kết quả này để đòi bồi thường cho thiệt hại của Nhà nước?;

Thứ hai, Luật chưa quy định rõ cơ quan nào thực hiện giám định thiệt hại. Việc cho các bên tự thỏa thuận trong việc chọn tổ chức giám định là rất hợp lý, nhưng việc tự do, tự nguyện thỏa thuận này đạt đến đâu thì Luật chưa quy định, liệu giữa các bên tranh chấp về mức độ thiệt hại được quyền thỏa thuận một tổ chức phi nhà nước XĐTH hay không;

Thứ ba, Điều 133 của Luật BVMT năm 2005 đã quy định thẩm quyền giải quyết việc bồi thường của Tòa án cũng như Trọng tài khi có yêu cầu của các bên, nhưng Luật lại chưa quy định trong trường hợp nếu các bên yêu cầu trọng tài giải quyết, đó là trọng tài nào? trọng tài thương mại hay cần có một trọng tài chuyên trách để giải quyết các yêu cầu BTTH về môi trường.

2.4. Xác định thiệt hại đối với tài sản, sức khỏe, tính mạng và các lợi ích hợp pháp khác do hành vi làm ô nhiễm môi trường

2.4.1. Quy định về xác định thiệt hại đối với tài sản và các lợi ích hợp pháp khác do hành vi làm ô nhiễm môi trường

2.4.2. Quy định về xác định thiệt hại trong trường hợp sức khỏe bị xâm phạm do hành vi làm ô nhiễm môi trường

2.4.3. Quy định về xác định thiệt hại đối với tính mạng do hành vi làm ô nhiễm môi trường

2.4.4. Quy định về thẩm quyền xác định thiệt hại đối với sức khỏe, tính mạng, tài sản và lợi ích hợp pháp khác do hành vi làm ô nhiễm môi trường

Qua đó có thể thấy:

Thiệt hại về tài sản, sức khỏe, tính mạng và các lợi ích hợp pháp khác, khác với thiệt hại do sự suy giảm chức năng và tính hữu ích của môi trường ở chỗ: đây là loại thiệt hại mang tính gián tiếp (thứ sinh) do hậu quả của việc suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gây ra.

Theo quy định tại khoản 6 Điều 131 Luật BVMT 2005 thì: “việc *XĐTH về sức khỏe, tính mạng của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do gây ô nhiễm, suy thoái môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật*”. Về xác định thiệt hại đối với tài sản, sức khỏe, tính mạng đã được quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2005, như: thiệt hại do tài sản bị xâm phạm (Điều 608); thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm (Điều 609); thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm (Điều 610). Sau đó được cụ thể hóa trong Mục II, Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/07/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLDS về BTTH ngoài hợp đồng.

Vấn đề cần bàn là:

Một là, việc ấn định giá tối đa không quá 30 tháng lương tối thiểu đối với thiệt hại về tinh thần trong trường hợp sức khỏe bị xâm phạm và không quá 60 tháng lương tối thiểu đối với thiệt hại về tinh thần do tính mạng bị xâm hại đã hợp lý chưa? và dựa vào đâu để lượng giá như vậy, trong trường hợp thiệt hại về tinh thần lớn hơn thì có được bồi thường đủ không vì nguyên tắc của BTTH là bằng với thiệt hại thực tế... Do vậy đây cũng là vấn đề cần được nghiên cứu làm rõ.

Hai là, vấn đề là thực tế vẫn vướng ở chỗ là xác định mối quan hệ giữa hành vi làm ÔNMT và thiệt hại xảy ra thuộc về cơ quan nào cơ quan quản lý nhà nước về môi trường cơ quan quản lý nhà nước về y tế?

2.5. Thực trạng về xác định thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường ở Việt Nam

Mục này tác giả trình bày về thực trạng xác định thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường ở nước ta qua các vụ việc cụ thể như:

2.5.1. Vụ Vedan

2.5.2. Vụ ô nhiễm môi trường Thạch Sơn, Lâm Thao, Phú Thọ

2.5.3. Vụ ô nhiễm môi trường do Công ty TNHH San Miguel Pure Foods VN gây ra. Từ thực tiễn đó, tác giả rút ra một số nhận xét về án đề này:

2.5.4. Một số nhận xét qua ba vụ việc trên

. Qua vụ việc điển hình vụ Vedan, vụ ÔNMT ở Thạch Sơn, Lâm Thao, Phú Thọ, vụ vỡ bờ bao hồ chứa nước thải của Công ty San Miguel, có thể rút ra nhận xét chung sau:

Một là, thiệt hại do ÔNMT ở nước ta thường diễn ra ở phạm vi và mức độ rất lớn, có cả thiệt hại về suy giảm chức năng, tính hữu ích (vụ Vedan, vụ vỡ bờ bao hồ chứa nước thải của Công ty San Miguel) cũng như thiệt hại về sức khỏe, tính mạng...(vụ ÔNMT ở Thạch Sơn, Lâm Thao, Phú Thọ). Việc phát hiện xử lý những vụ việc này còn chưa kịp thời và rất khó khăn, tổn kém sức người và của.

Hai là, công tác quản lý nhà nước về môi trường vẫn còn yếu kém, nhiều vụ việc ÔNMT chưa được phát hiện kịp thời mà khi ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng xảy ra mới được phát hiện. Điều đó cho thấy các cơ quan này có phần chưa quyết liệt trong xử lý ngay từ đầu những cơ sở gây ô nhiễm, suy thoái môi trường;

Ba là, vai trò của Tòa án (nơi bảo đảm công lý), một trong những cơ quan đóng vai trò quan trọng trong việc tham gia giải quyết BTTH và XĐTH do hành vi làm ÔNMT chưa được thể hiện;

Trong quá trình XĐTH do hành vi làm ÔNMT hai vụ Vedan và San Miguel, có thể thấy pháp luật có nhiều thiếu sót, hạn chế:

Về thực tiễn, việc XĐTH do chất thải do Vedan gây ra vẫn còn nhiều vấn đề như:

Một là, thiếu các quy định pháp luật về xác định đối tượng làm ÔNMT gây ra thiệt hại và mối quan hệ giữa hành vi làm ô nhiễm môi trường và thiệt hại xảy ra. Dẫn tới sự không thừa nhận hành vi làm ô nhiễm môi trường và gây ra thiệt hại của các chủ thể...;

Hai là, thiếu các quy định pháp luật cụ thể về xác định mức độ, giới hạn khu vực bị thiệt hại làm căn cứ để tính toán các thiệt hại đối với suy giảm chức năng, tính hữu ích do hành vi làm ÔNMT;

Ba là, Luật Bảo vệ Môi trường năm 2005 có quy định về thẩm quyền XĐTH do hành vi làm ÔNMT, nhưng hầu như không quy định cụ thể về trình tự, thủ tục XĐTH do hành vi làm ÔNMT. Do vậy trong quá trình XĐTH do hành vi làm ÔNMT các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường, các cá nhân, tổ chức bị thiệt hại và cả đơn vị gây ô nhiễm đều rất lúng túng.

Bốn là, thiếu các quy định về căn cứ tính toán thiệt hại về suy giảm chức năng, tính hữu ích. Do vậy việc sử dụng phương pháp nào để XĐTH là rất khó khăn.

Năm là, thực tiễn sử dụng các dữ liệu quan trắc môi trường còn nhiều hạn chế, nhất là việc quan trắc đo nhanh vào những thời điểm bất kỳ chưa được thường xuyên liên tục. Do vậy dẫn tới các cơ sở gây ô nhiễm vịn vào đó để lẩn tránh trách nhiệm;

.Trong XĐTH vụ ÔNMT Thạch Sơn có thể chỉ ra những hạn chế sau:

Một là, thiếu các quy định pháp luật về xác định chủ thể gây ô nhiễm và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi làm ÔNMT và thiệt hại về tài sản, sức khỏe, tính mạng.

Hai là, về XDTH về sức khỏe, tính mạng. Luật có quy định về mức độ BTTH về tinh thần theo cách quy ra một khoản tiền tối đa cố định và mọi trường hợp bị thiệt hại về tinh thần do sức khỏe, tính mạng bị xâm phạm thì mức tối đa phải bồi thường không vượt mức quy định đó. Quy định này là chưa phù hợp cần phải nghiên cứu xây dựng cơ sở pháp lý cho việc XDTH về tinh thần do hành vi làm ÔNMT. Đồng thời nghiên cứu, xây dựng pháp luật theo hướng nâng cao hơn mức tối đa mức tiền BTTH về tinh thần so với hiện nay.

Ba là, Luật cũng chưa quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường trong việc để ÔNMT kéo dài mà không có biện pháp xử lý gây thiệt hại cho người dân thì bị xử lý như thế nào.

Bốn là, Luật chưa quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền XDTH; thời hạn điều tra, XDTH; trách nhiệm áp dụng các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn ÔNMT bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của nhân dân khi có hành vi làm ÔNMT xảy ra... Dẫn tới khi các thông tin về ÔMT được công bố thì thiệt hại xảy ra đã quá lớn khó mà lường hết được hậu quả.

.Thực trạng pháp luật liên quan đến việc thực hiện trách nhiệm BTTH do hành vi làm ÔNMT

Một là, về pháp luật, chưa có quy định thống nhất và cụ thể để phân biệt trách nhiệm khắc phục tình trạng môi trường bị ô nhiễm là trách nhiệm hành chính hay dân sự.

Hai là, cần xác định rõ hơn thẩm quyền khởi kiện đòi BTTH của các cơ quan nhà nước đối với chủ thể làm suy thoái môi trường. Đây là một yêu cầu hiến định (Điều 74 Hiến pháp năm 1992) và được quy định trong Luật Bảo vệ Môi trường (Điều 131 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2005).

Ba là, trường hợp nhiều chủ thể sản xuất, kinh doanh có hành vi làm ÔNMT thì xử lý như thế nào? ai sẽ là người chứng minh vấn đề này?

Bốn là, về thời hiệu khởi kiện yêu cầu BTTH do hành vi làm ÔNMT được áp dụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự là 2 năm tính từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức, lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước bị xâm phạm. Song cũng cần tính đến trong lĩnh vực môi trường, ngày quyền và lợi ích hợp pháp của các bên bị xâm hại không hoàn toàn trùng khít với ngày phát sinh thiệt hại trên thực tế.

Từ những tồn tại, hạn chế trong các quy định pháp luật cũng như trong thực tiễn đặt ra nhu cầu phải nghiên cứu hoàn thiện các quy định pháp luật về vấn đề này.

CHƯƠNG 3.

XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ XÁC ĐỊNH THIẾT HẠI DO HÀNH VI LÀM Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

3.1. Nhu cầu và quan điểm của Đảng về việc hoàn thiện những vấn đề pháp lý quanh việc XDTH do hành vi làm ÔNMT ở nước ta hiện nay

Việc xác DXĐTH do hành vi làm ÔNMT dựa trên những cơ sở sau:

- *Một là*, xuất phát từ nhu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- *Hai là*, xuất phát từ đường lối, quan điểm của Đảng về bảo vệ môi trường trong đó đề cao nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền.
- *Ba là*, xuất phát từ thực trạng phát triển kinh tế một cách ồ ạt gây ra nhiều thiệt hại cho môi trường và cho cộng đồng.
- *Bốn là*, xuất phát từ thực trạng các quy định pháp luật về BTTH và XDTH do hành vi làm ÔNMT.

Những nhu cầu đó đặt ra vấn đề phải xây dựng và hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường, trong đó có pháp luật về XDTH.

. Quan điểm về xây dựng và hoàn thiện pháp luật về bồi thường thiệt hại và xác định thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường

- Phát triển đất nước là “phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường”.

- Mục tiêu ngăn chặn, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường do hoạt động của con người và tác động của tự nhiên gây ra; khắc phục ÔNMT, trước hết ở những nơi đã bị ô nhiễm nghiêm trọng. Đặc biệt là giải quyết cơ bản tình trạng ô nhiễm nguồn nước và ÔNMT nghiêm trọng trong các khu dân cư do chất thải trong sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

- Xử lý triệt để các cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng; đình chỉ hoạt động hoặc buộc di dời đối với cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng trong khu dân cư nhưng không có giải pháp khắc phục có hiệu quả; thực hiện nguyên tắc người gây thiệt hại đối với môi trường phải khắc phục, bồi thường, từng bước thực hiện việc thu phí, ký quỹ bảo vệ môi trường, buộc BTTH về môi trường.

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực về môi trường, tăng cường công tác điều tra cơ bản, quan trắc, dự báo, cảnh báo về tài nguyên môi trường. Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các giải pháp công nghệ trong xử lý ô nhiễm và XDTH do hành vi làm ÔNMT...

- Hoạt động bảo vệ môi trường lấy phòng ngừa là chính, đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường, tăng cường sử dụng các công cụ kinh tế trong hoạt động bảo vệ môi trường, đồng thời xử lý nghiêm các hành vi làm ô nhiễm, suy thoái môi trường trên cơ sở người gây ô nhiễm phải trả tiền (PPP).

- Đẩy mạnh nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện pháp luật về BTTH, XĐTH do hành vi làm ÔNMT. Đặc biệt là pháp luật về XĐTH đối với suy giảm chức năng, tính hữu ích, trên cơ sở bảo đảm quyền con người được sống trong môi trường trong lành và phát triển bền vững.

- Đảm bảo tính công khai, minh bạch, thống nhất trong pháp luật về BTTH, XĐTH do hành vi làm ÔNMT.

3.2. Các giải pháp xây dựng và hoàn thiện pháp luật về XĐTH do hành vi làm ÔNMT ở Việt Nam hiện nay

3.2.1. Những giải pháp chung về xây dựng và thực thi pháp luật do hành vi làm ô nhiễm môi trường

Thứ nhất, cần quy định cụ thể trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường trong việc kiểm tra, xử lý các hành vi làm ÔNMT; điều tra, XĐTH do hành vi làm ÔNMT. Quy định cụ thể về thời hạn và trách nhiệm đối với cơ quan quản lý nhà nước về môi trường khi có hành vi làm ÔNMT cơ quan quản lý nhà nước về môi trường phải tiến hành các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời bảo vệ môi trường và sức khỏe, tính mạng, tài sản của người dân đồng thời xử lý nghiêm cơ sở có hành vi làm ÔNMT. Tránh trường hợp để ÔNMT xảy ra trong thời gian quá dài gây tổn thất lớn cho môi trường và con người.

Thứ hai, bên cạnh đó là xây dựng, hoàn thiện pháp luật về xác định mối quan hệ giữa hành vi làm ÔNMT và thiệt hại xảy ra là một việc làm tối quan trọng để đảm bảo cho trách nhiệm về BTTH được thực thi có hiệu quả. Nhiều vụ việc thực tế xảy ra cho thấy quá trình XĐTH cũng như trách nhiệm BTTH gặp khó khăn ngay từ khâu xác định mối quan hệ nhân quả. Xác định mối quan hệ nhân quả giữa hành vi làm ÔNMT với sự suy giảm chức năng, tính hữu ích cũng như tài sản, sức khỏe, tính mạng con người chúng ta cần phải căn cứ vào nguồn các chất gây ô nhiễm chính và trên cơ sở khoa học chứng minh được các chất có thể làm ÔNMT và tác hại xấu của nó đối với hệ sinh thái cũng như sức khỏe, tính mạng con người. Trên cơ sở đó khi có ÔNMT xảy ra các nhà khoa học có thể nhanh chóng tính toán, nhận biết được tác hại của chất đó đối với môi trường và sức khỏe, tính mạng con người là có sự tương tác và có quan hệ nhân quả.

Thứ ba, xây dựng, hoàn thiện các quy định pháp luật về quan trắc, thu thập dữ liệu môi trường nhằm cung cấp thông số, chứng cứ cho quá trình XĐTH do hành vi làm ÔNMT. Đặc biệt là quy định về quan trắc đo nhanh tại các thời điểm khác nhau nhưng thường xuyên để có thể đánh giá chính xác được sự thay đổi của môi trường qua từng giai đoạn. Như vụ Vedan có tiến hành đo nhanh nhưng 3 năm đầu tiên thì liên tục, sau đó cách 5, 6 năm mới tiến hành đo tiếp, mặc dù thấy được sự thay đổi nhanh chóng của môi trường, nhưng không đảm bảo được tính liên tục, ảnh hưởng đến việc ngăn chặn, XĐTH do hành vi làm ÔNMT.

Thứ tư, nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện pháp luật về ký quỹ môi trường để đảm bảo nhằm nâng cao ý thức của các chủ thể trong việc bảo vệ môi trường và nhằm đảm bảo trách nhiệm B BTTH được thực hiện hiệu quả khi có hành vi làm ÔNMT.

3.2.2. Về XĐTH đối với suy giảm chức năng, tính hữu ích do hành vi làm ÔNMT

Thứ nhất, quy định cụ thể các thành phần môi trường có thể XĐTH do hành vi làm ÔNMT bao gồm: môi trường nước, đất đai, hệ sinh thái và giống loài động vật hoang dã, quý hiếm và có thể nghiên cứu bổ sung thêm môi trường không khí.

Thứ hai, xây dựng pháp luật về xác định đối tượng làm ÔNMT gây ra thiệt hại cho người dân, trên cơ sở quy định về xác định *thời điểm* phát sinh các hoạt động xả thải vào môi trường, các hoạt động gây sự cố môi trường, các hoạt động xâm hại môi trường.

Bên cạnh đó là xây dựng, hoàn thiện pháp luật về xác định mối quan hệ giữa hành vi làm ÔNMT và thiệt hại xảy ra là một việc làm tối quan trọng để đảm bảo cho trách nhiệm về BTTH được thực thi có hiệu quả. đối với môi trường và sức khỏe, tính mạng con người là có sự tương tác và có quan hệ nhân quả.

Thứ ba, hoàn thiện pháp luật về xác định mức độ suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường.

Về mức độ thiệt hại do sự cần sớm hoàn thiện pháp luật về vấn đề này. Tác giả cũng cho rằng để việc XĐTH và BTTH mang tính khả thi, thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường được tính để đòi bồi thường chỉ nên gồm 2 cấp độ: suy giảm nghiêm trọng và suy giảm đặc biệt nghiêm trọng. Quy định như vậy sẽ hợp lý hơn.

Một là, không phải thiệt hại nào xảy ra là đều gây ra thiệt hại mà có những thiệt hại rất nhỏ chưa đặt ra trách nhiệm BTTH và đương nhiên khi đó cũng không đặt ra vấn đề XĐTH mà những thiệt hại nhỏ đó có thể áp dụng các biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường là được;

Hai là, nếu những thiệt hại nhỏ cũng tiến hành thiệt hại thì bên cạnh việc mất thời gian của các bên tham gia mà kết quả XĐTH trong những trường hợp này không có nhiều ý nghĩa.

Thứ tư, hoàn thiện các quy định pháp luật về các căn cứ để xác định mức độ thiệt hại. Để tránh sự nhầm lẫn giữa nội dung pháp lý của những thuật ngữ vùng lõi, vùng đệm trong Luật Bảo vệ Môi trường năm 2005 với thuật ngữ vùng lõi, vùng đệm trong các văn bản pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học. Tác giả cho rằng *vùng lõi, vùng đệm* sử dụng trong Luật BVMT 2005 cần phải được đổi thành thuật ngữ vùng hay *khu vực trung tâm ô nhiễm* (khu vực bị thiệt hại nặng), vùng hay khu vực cận kề ô nhiễm (khu vực bị thiệt hại nhẹ hơn so với khu vực trung tâm) để chỉ các mức độ khác nhau của thiệt hại môi trường.

Để làm rõ được căn cứ xác định mức độ thiệt hại. Bên cạnh việc xác định phạm vi, giới hạn khu vực ô nhiễm còn căn cứ vào số lượng thành phần môi trường, loại hình hệ sinh thái, giống loài bị suy giảm và mức độ thiệt hại của từng loại.

Thứ năm, hoàn thiện các quy định pháp luật về các căn cứ để tính toán thiệt hại.

Nghiên cứu xây dựng và cụ thể hóa hai căn cứ: *tính toán chi phí xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường; tính toán chi phí giảm thiểu hoặc triệt tiêu nguồn gây thiệt hại* (được quy định tại điểm b, c, khoản 4, Điều 131, Luật Bảo vệ Môi trường năm 2005).

Do vậy căn cứ nêu ra ở trên là cơ sở để tính mức độ thiệt hại mà người gây ô nhiễm phải trả và để trả hợp lý thì còn căn cứ trên cơ sở những thiệt hại thực tế do hành vi làm ÔNMT gây ra như nêu ở trên. Còn trường hợp nếu XĐTH thực tế lại thấp hơn so với số tiền bỏ ra để xử lý ô nhiễm (trường hợp này rất ít xảy ra) thì mức tiền bồi thường tối thiểu cũng phải bằng với chi phí bỏ ra để xử lý ô nhiễm. Bởi bên cạnh những thiệt hại có thể nhìn thấy đo đếm được thì có những thiệt hại lâu dài khó đoán định. Do vậy khoản tiền thừa ra còn lại sẽ được sử dụng để cải tạo, phục hồi môi trường.

Thứ sáu, hoàn thiện pháp luật về thẩm quyền XĐTH do hành vi làm ÔNMT

Một là, nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện xác quy định pháp luật về trình tự, thủ tục XĐTH đối với suy giảm chức năng, tính hữu ích do hành vi làm ÔNMT;

Hai là, dự thảo Nghị định về XĐTH do hành vi làm ÔNMT lại không quy định rõ về cơ quan có thẩm quyền XĐTH mà chỉ quy định về trách nhiệm thu thập và thẩm định dữ liệu, chứng cứ thu thập được phục vụ việc XĐTH đối với môi trường và chỉ quy định về thẩm quyền này thuộc cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường. Điều đó đặt ra vấn đề là liệu cá nhân, tổ chức khi bị thiệt hại do hành vi làm ÔNMT có được lựa chọn cho mình đơn vị cung cấp dịch vụ tổ chức quan trắc, đánh giá, đo đạc để thu thập dữ liệu, chứng cứ không hay nhất định phải thông qua cơ quan nhà nước quản lý về môi trường.

Hơn nữa, trong Luật BVMT hiện hành còn cho phép người bị gây thiệt hại có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giám định thiệt hại, thậm chí có thể yêu cầu cơ quan giải quyết việc BTTH là Trọng tài và Tòa án khi cần thiết trưng cầu giám định thiệt hại. Do vậy nên chẳng cần phải nghiên cứu kỹ về vấn đề này để có được những quy định hợp lý, hiệu quả.

Ba là, cần nghiên cứu quy định rõ cơ quan nào có thẩm quyền giám định thiệt hại do hành vi làm ÔNMT. Ví dụ thiệt hại về sức khỏe, tính mạng thì cơ quan giám định có thể là cơ quan có chuyên môn cao về y tế... Theo tác giả có thể nghiên cứu cho các cơ quan có chuyên môn về y tế ngoài nhà nước quản lý hoạt động này trên cơ sở kiểm soát tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của quốc gia và quốc tế. Đây là hướng dẫn đi tới xã hội hoạt động giám định thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường.

Ngoài ra khi nghiên cứu hoàn thiện pháp luật về thẩm quyền XĐTH, theo tác giả cần quy định cụ thể về loại trọng tài được tham gia giải quyết việc BTTH cũng như XĐTH. Bởi trên thế giới vai trò của trọng tài trong giải quyết các tranh chấp có hiệu quả là rất lớn.

Trong khi đó ở nước ta quy định rất nhiều về các loại trọng tài khác nhau như trọng tài thương mại, trọng tài lao động,...và giờ là trọng tài trong giải quyết các tranh chấp về môi trường. Tuy nhiên, thiếu rất nhiều cơ sở pháp lý để trọng tài này có thể hoạt động được. Ví dụ như: cần quy định rõ trọng tài nào có quyền giải quyết BTTH về môi trường; trình tự, thủ tục thành lập của trọng tài hoạt động trên cơ sở pháp luật nào trọng tài thương mại hay trọng tài lao động hay cần thành lập một trọng tài khác. Đây là trọng tài thường xuyên hay trọng tài adhoc (vụ việc). Cần được nghiên cứu để đưa ra quy định cụ thể để trọng tài về giải quyết việc BTTH và XĐTH do hành vi làm ÔNMT có hiệu quả.

Thứ bảy, xây dựng, hoàn thiện các quy định pháp luật về quan trắc, thu thập dữ liệu môi trường nhằm cung cấp thông số, chứng cứ cho quá trình XĐTH do hành vi làm ÔNMT. Đặc biệt là quy định về quan trắc đo nhanh tại các thời điểm khác nhau nhưng thường xuyên để có thể đánh giá chính xác được sự thay đổi của môi trường qua từng giai đoạn. Như vụ Vedan có tiến hành đo nhanh nhưng 3 năm đầu tiên thì liên tục, sau đó cách 5, 6 năm mới tiến hành đo tiếp, mặc dù thấy được sự thay đổi nhanh chóng của môi trường, nhưng không đảm bảo được tính liên tục, ảnh hưởng đến việc ngăn chặn, XĐTH do hành vi làm ÔNMT.

Thứ tám, nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện pháp luật về ký quỹ môi trường để đảm bảo nhằm nâng cao ý thức của các chủ thể trong việc bảo vệ môi trường và nhằm đảm bảo trách nhiệm BTTH được thực hiện hiệu quả khi có hành vi làm ÔNMT.

Thứ chín, cần quy định cụ thể trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường trong việc kiểm tra, xử lý các hành vi làm ÔNMT; điều tra, XĐTH do hành vi làm ÔNMT.

Thứ mười, thiệt hại do suy giảm chức năng tính hữu, ích là rất khó xác định chính xác, đặc biệt là những thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm xảy ra trong thời gian dài, cơ sở gây ô nhiễm lại xả thải gián đoạn... Do vậy có thể nói xác định chính xác thiệt hại cũng chỉ mang tính chất tương đối khó mà chính xác 100%. Tuy nhiên, trong quá trình XĐTH do hành vi làm ÔNMT các bên cần tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật hiện có, đặc biệt các quy định về XĐTH.

Những thiếu sót trong các quy định pháp luật có thể nghiên cứu kinh nghiệm các nước trên thế giới và tình hình thiệt hại cụ thể để có hướng giải quyết cho thích hợp. Khi các bên không thỏa thuận được với nhau về mức độ thiệt hại và BTTH, hoặc đã thỏa thuận được nhưng chưa thỏa đáng thì có quyền khởi kiện ra Trọng tài hoặc Tòa án yêu cầu giải

quyết. Trong những trường hợp nhất định nếu đương sự không thể tiến hành thu thập được chứng cứ mà có yêu cầu thì Tòa án có thể tham gia thu thập chứng cứ...

Nhìn chung các quy định pháp luật về XDTH về suy giảm chức năng và tính hữu ích do hành vi làm ÔNMT gây ra được quy định trong Luật BVMT hiện còn chung chung. Do vậy Quốc hội đã giao nhiệm vụ cho Chính phủ tiếp tục hướng dẫn hoàn thiện việc XDTH về sự suy giảm chức năng và tính hữu ích của môi trường (xem thêm khoản 7 Điều 131 Luật BVMT 2005).

3.2.3. Về XDTH đối với tài sản, sức khỏe, tính mạng và các lợi ích hợp pháp khác do hành vi làm ÔNMT

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về xác định mối quan hệ nhân quả giữa hành vi gây ô nhiễm và thiệt hại xảy ra, đặc biệt là liên quan đến thẩm quyền xác định mối quan hệ nhân quả này. Việc xác định hành vi làm ÔNMT và xác định mức độ thiệt hại xảy ra đối với môi trường cũng sẽ khó được giải quyết BTTH nếu không chứng minh được mối quan hệ nhân quả. Đây là một vấn đề rất phức tạp trong thực tiễn XDTH về tài sản, sức khỏe, tính mạng do hành vi làm ÔNMT.

Trên cơ sở có hành vi làm ÔNMT và có những thiệt hại xảy ra thì việc chứng minh mối quan hệ nhân quả là điều kiện tiên quyết để xác định trách nhiệm BTTH. Điều cốt yếu trong việc xác định mối quan hệ nhân quả này là chúng ta phải xác định được những hàm lượng, loại chất thải ra môi trường có chứa những độc chất gì và tác động xấu của những độc chất đó tới sức khỏe, tính mạng và những lợi ích hợp pháp khác của con người.

Thứ hai, có thiệt hại về tinh thần do hành vi làm ÔNMT, đặc biệt là thiệt hại về tinh thần trong trường hợp sức khỏe bị tổn thất do hành vi làm ÔNMT; hoặc tổn thất về tinh thần của những người thân thích của người chết do ÔNMT. Ví dụ một gia đình có 4 người mà trong đó cả bố, mẹ và một đứa con bị ung thư thì đương nhiên ngoài thiệt hại về sức khỏe ba người không may bị ung thư này sẽ rất đau đớn và day dứt về tinh thần. Hơn nữa không thể nói trường hợp này đứa con duy nhất không bị mắc bệnh không bị khủng hoảng, đau đớn đến tột độ về mặt tinh thần. Từ đó tác giả thiết nghĩ cũng cần cần nhắc bổ sung loại thiệt hại này trong Luật Bảo vệ Môi trường và nâng cao hơn nữa mức bồi thường với loại thiệt hại này so với hiện nay. Hiện nay là đối với thiệt hại về tinh thần trong trường hợp sức khỏe bị xâm phạm tối đa không quá 30 tháng lương tối thiểu và thiệt hại về tinh thần cho người thân thích trong trường hợp tính mạng bị xâm phạm tối đa không quá 60 tháng lương tối thiểu. Có thể thấy mức BTTH tối đa về tinh thần là quá thấp, đặc biệt là thiệt hại về tinh thần do hành vi làm ÔNMT. Bởi:

Một là, thiệt hại do hành vi làm ÔNMT thường diễn ra trên phạm vi và mức độ rất lớn có thể gây ra những tổn thất lớn về người gây ảnh hưởng lớn về tinh thần cho người bị thiệt hại và người thân thích của họ. Có những thiệt hại về sức khỏe có thể chữa được nhưng tổn thất về tinh thần có thể phải mất rất nhiều thời gian mới điều trị khỏi...

Hai là, hiện nay do khủng hoảng kinh tế thế giới và trong nước có nhiều dấu hiệu chưa ổn định, giá cả leo thang, dẫn tới lạm phát. So với vàng và ngoại tệ khác tiền đồng ngày càng mất giá. Dẫn tới chi phí của người dân tăng cao, trong khi lương cơ bản do Nhà nước quy định đã được sửa đổi tăng nhiều lần nhưng vẫn thấp và chậm hơn mức tăng của lạm phát.

Ba là, ở bình diện rộng về BTTH về tinh thần có thể thấy, nhiều trường hợp một người bị thiệt hại về sức khỏe nhưng không bị ảnh hưởng về tinh thần. Đặc biệt có trường hợp có người thiệt hại về tính mạng nhưng cũng không gây tổn thất về tinh thần cho những người thân thích. Ví dụ một người nghiện ma túy suốt ngày về cầm dao dọa bố, mẹ đòi tiền để trích hút nhiều năm thì khi người này bị chết chưa chắc đã làm gia đình đó bị tổn hại về tinh thần lớn. Ngược lại có những người khi họ mất đi thì tổn thất về tinh thần còn lớn hơn cả về sức khỏe, tính mạng. Ví dụ những người có tài năng và uy tín lớn trong xã hội như Ngô Bảo Châu... thì không thể chỉ lấy 60 tháng lương tối thiểu là bù đắp được tổn thất về tinh thần... Từ đó tác giả cho rằng cần nghiên cứu, quy định nâng mức hưởng BTTH về tinh thần cho người dân cho phù hợp hơn với thực tế cuộc sống.

Thứ ba, cần nghiên cứu xác định rõ thiệt hại thực tế về tài sản được tính như thế nào? Điều đó đặt ra vấn đề là cần phải cụ thể hóa các lợi ích gắn liền với việc khai thác sử dụng tài sản cũng như các chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế và khắc phục thiệt hại và đương nhiên lợi ích hay chi phí này được kiểm chứng trên cơ sở các giấy tờ, tài liệu xác nhận; phải phù hợp với thực tế của loại tài sản và khả năng chi trả của người gây thiệt hại...

Thứ tư, trong trường hợp thiệt hại về sức khỏe kéo dài do hành vi làm ÔNMT dẫn đến người đó bị chết... Đây là một trong những thiệt hại mang tính đặc thù của ÔNMT cũng cần phải được nghiên cứu làm rõ. Ví dụ một nhà máy xi măng hoạt động gây ÔNMT hàng chục năm và trong chục năm đó nhiều người bị bệnh nhà máy xi măng di dời và sau đó vài năm những người này này chết. Thì quyền lợi của những người này thế nào họ có được hưởng bồi thường hay không. Còn trách nhiệm của công ty xi măng đã di dời thì sẽ thế nào có phải BTTH cho người dân hay không... Đây cũng là vấn đề mà thực tiễn đặt ra cần phải được nghiên cứu hoàn thiện.

Thứ sáu, theo tác giả thẩm quyền xác định mối quan hệ nhân quả giữa hành vi làm ÔNMT và thiệt hại về sức khỏe do cơ quan quản lý nhà nước về môi trường thực hiện là hợp lý. Bởi đây là cơ quan chuyên trách quản lý về môi trường, được Luật Bảo vệ môi trường quy định nhiệm vụ điều tra, XDTH. Tuy nhiên, để đảm bảo cho việc xác định loại thiệt hại này được hiệu quả Luật cũng nên thừa nhận vai trò và quy định thẩm quyền của cơ quan y tế trong việc giám định thiệt hại về sức khỏe, tính mạng thậm chí cả thiệt hại về tinh thần. Điều quan trọng là cần có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan này trên cơ sở khách quan, tuân thủ pháp luật để bảo đảm việc xác định được hiệu quả.

3.2.4. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật để bảo đảm thực hiện trách nhiệm về BTTH do hành vi làm ÔNMT có hiệu quả

Một là, cần phải xác định rõ việc khôi phục lại hiện trạng môi trường như ban đầu là trách nhiệm hành chính hay trách nhiệm BTTH trong dân sự.

Hai là, hoàn thiện các quy định pháp luật về quyền của Nhà nước (cụ thể là các cơ quan đại diện cho nhà nước) trong việc đòi BTTH.

Ba là, nghiên cứu quy định nghĩa vụ chứng minh thuộc về đối tượng gây thiệt hại sẽ giúp các tổ chức, cá nhân nâng cao hơn trách nhiệm bảo vệ môi trường cũng như nâng cao năng lực tự bảo vệ mình trong lĩnh vực này.

Bốn là, thời hạn thực hiện BTTH trong lĩnh vực môi trường cũng là vấn đề còn nhiều tranh cãi. Pháp luật cần có các quy định mang tính linh hoạt hơn trong lĩnh vực này, như người gây thiệt hại đối với môi trường có thể bồi thường một lần hoặc nhiều lần trong khoảng thời gian tối nhất định kể từ ngày vấn đề bồi thường thiệt hại được giải quyết.

Trong lĩnh vực môi trường, ngày quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm hại không hoàn toàn trùng khít với ngày phát sinh thiệt hại trên thực tế. Thiệt hại đối với người bị nhiễm chất phóng xạ, nhiễm hóa chất độc hại là những ví dụ điển hình. Pháp luật môi trường cần hướng tới việc quy định thời hiệu khởi kiện dài hơn 2 năm. Hoặc khi không xác định được ngày quyền và lợi ích bị xâm phạm để tính thời hiệu thì có thể tính thời hiệu thì thời hiệu khởi kiện sẽ được tính từ ngày phát sinh thiệt hại trên thực tế.

KẾT LUẬN

Từ việc nghiên cứu lý luận và thực tiễn vấn đề này ở Việt Nam, có thể rút ra những kết luận sau :

1. Hiện nay và trong tương lai gần tình hình ÔNMT và thiệt hại do ÔNMT ở nước ta có xu hướng ngày càng tăng;

2. Đảng và Nhà nước ta đã ban hành, đưa ra nhiều đường lối, chính sách về việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường nói chung, bồi thường thiệt hại do ÔNMT nói riêng mà đặc biệt là vấn đề xác định thiệt hại do ÔNMT;

3. Các cơ sở lý luận, pháp lý về XDTH do hành vi làm ÔNMT ngày càng được nghiên cứu hoàn thiện;

4. Các văn bản pháp luật về XDTH do hành vi làm ÔNMT đã được Nhà nước ta quan tâm ban hành trong thời gian qua, như: Luật Bảo vệ Môi trường năm 1993, Bộ luật Dân sự năm 1995, Luật Bảo vệ Môi trường năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2005 đã ra những cơ sở pháp lý bước đầu cho việc XDTH do hành vi làm ÔNMT.

5. Thực trạng các quy định pháp luật về XDTH đối với suy giảm chức năng, tính hữu ích cũng như thiệt hại về sức khỏe, tính mạng, tài sản, lợi ích hợp pháp khác do hành vi làm ÔNMT còn nhiều thiếu sót, hạn chế cần được hoàn thiện.

Để sự điều chỉnh pháp luật về XDTH do hành vi làm ÔNMT đi vào thực tiễn thì cần hoàn thiện và thực hiện những giải pháp sau:

6. Nên quy định thành phần không khí thuộc đối tượng có thể xác định được thiệt hại ;

7. Quy định mức độ suy giảm chức năng, tính hữu ích ở hai cấp độ suy giảm nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng ;

8. Sửa đổi thuật ngữ vùng lõi, vùng đệm để phân biệt các khu vực và mức độ ô nhiễm thành trung tâm ô nhiễm và vùng tiếp giáp trung tâm ô nhiễm;

9. Quy định cụ thể căn cứ tính toán thiệt hại bằng phương pháp tính toán chi phí xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường và phương pháp tính toán chi phí giảm thiểu hoặc triệt tiêu nguồn gây thiệt hại

10. Nghiên cứu quy định áp dụng một số phương pháp của nước ngoài như phương pháp tính ra khoản tiền cố định đối với thiệt hại về động vật hoang dã, phương pháp Koch đối với thiệt hại về cây trồng...

11. Hoàn thiện các quy định pháp luật về quan trắc môi trường đặc biệt nên quy định cụ thể về quan trắc, đo đạc nhanh;

12. Hoàn thiện các quy định pháp luật về xác định mối quan hệ giữa thiệt hại xảy ra với hành vi làm ÔNMT, đặc biệt liên quan đến thiệt hại về sức khỏe, tính mạng, tài sản và lợi ích hợp pháp khác;

13. Hoàn thiện các quy định pháp luật về thẩm quyền XDTH của Tòa án, trọng tài. Quy định cụ thể trọng tài nào, trình tự, cách thức thành lập trọng tài có thẩm quyền hợp pháp để giải quyết việc BTTH, trong đó có XDTH ;

14. Hoàn thiện các cơ sở pháp lý về việc kiện đòi BTTH của cơ quan nhà nước khi có thiệt hại xảy ra do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường;

15. Hoàn thiện các quy định pháp luật về ký quỹ bảo đảm thực hiện trách nhiệm BTTH do hành vi làm ÔNMT;

16. Xác định rõ trách nhiệm khôi phục hiện trạng môi trường ban đầu là trách nhiệm dân sự hay trách nhiệm hành chính.